



Tuần 49 (05/12-09/12/22) BSC WEEKLY REVIEW

*Dự báo danh mục MVIS-Index Việt
Nam Quý 4/2022*



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Thị trường tăng điểm theo đà hướng về ngưỡng kháng cự 1,150 điểm*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục MVIS-Index Việt Nam Quý 4/2022*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng tiền qua OMO*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tiếp tục có thêm một cây nến chỉ hướng, hướng tới 1,150 điểm*
5. TIN VĨ MÔ: *Chỉ số PMI tháng 11 của Việt Nam ở dưới mức 50 điểm*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bán lẻ 22.85%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Thị trường tăng điểm theo đà hướng về ngưỡng kháng cự 1,150 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1080.01	11.17%
GTGD/phiên (tỷ VND)	16,138.97	81.11%
Khối ngoại (tỷ VND)	9184.18	
HNX-INDEX	215.96	5.83%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1451.28	101.45%
Khối ngoại (tỷ VND)	145.23	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4071.70	-0.12%	1.13%	9.46%
EU (EURO STOXX)	3977.90	-0.17%	0.39%	7.85%
China (SHCOMP)	3156.14	-0.29%	-0.29%	2.78%
Japan (NIKKEI)	27777.90	-1.59%	-1.79%	0.41%
Korea (KOSPI)	2434.33	-1.84%	1.08%	3.66%
Singapore (STI)	3259.14	-1.02%	0.45%	4.12%
Thailand (SET)	1641.63	-0.41%	1.28%	0.94%
Phillipines (PCOMP)	6489.65	-3.64%	-0.63%	5.42%
Malaysia (KLCI)	1481.80	-0.65%	-1.34%	2.08%
Indonesia (JCI)	7019.64	-0.02%	-0.48%	-0.37%
Vietnam (VNIndex)	1080.01	4.22%	11.17%	8.31%

TTCK VIỆT NAM

Thị trường có tuần giao dịch bùng nổ, đà tăng diện rộng

Khối ngoại mua ròng 266 triệu USD trong tuần, nâng tổng giá trị mua ròng hơn 500 triệu USD trong tháng 11 tiếp tục hỗ trợ cho VN-Index tăng điểm, qua đó duy trì 3 tuần tăng điểm liên tiếp. Chỉ số tăng mạnh 11.1% với đà tăng trên diện rộng của 333/401 cổ phiếu và 18/19 ngành tăng điểm. Các cổ phiếu lớn trong danh mục VN30 tăng mạnh đóng góp trên 60% mức tăng điểm của chỉ số. Các nhóm ngành Bán lẻ, Tài nguyên cơ bản, Dịch vụ tài chính, Dầu khí, Hóa chất, Bất động sản, Xây dựng và VLXD và Ngân hàng đều tăng trên 10%. Các quỹ ngoại đẩy mạnh giải ngân đẩy chỉ số ra khỏi vùng đáy và hỗ trợ cho dòng tiền tăng trưởng sau quá trình dài nén chặt. Xu hướng tăng điểm mạnh và duy trì trong tuần tới, NĐT có thể canh mua ở vùng thấp tại những dịp rung lắc trong quá trình chỉ số tiến tới các vùng điểm cao mới.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5.3% và tăng 8.6% trong 11 tháng so cùng kỳ. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng 19.9% yoy, bằng 74.9% kế hoạch năm. Vốn FDI đăng ký mới giảm 5% trong khi FDI giải ngân tăng 15.1% cùng kỳ. Thặng dư ngân sách đạt 280 nghìn tỷ trong 11 tháng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và DVTĐ tháng 11 và 11 tháng tăng lần lượt 17.5% và 20.5% cùng kỳ. Xuất nhập khẩu tháng 11 và 11 tháng giảm 8.4% và tăng 13.4% cùng kỳ. Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 10.6 tỷ USD. Chỉ số CPI tháng 11 tăng 4.37% so cùng kỳ, CPI bình quân 11 tháng tăng 3.02% cùng kỳ. Chỉ số USD tháng 11 tăng 8.7% cùng kỳ. Khách quốc tế 11 tháng đạt 2.9 triệu lượt, giảm 81.9% cùng kỳ 2019. Nhìn chung các dữ liệu tích cực về hoạt động sản xuất và tiêu dùng và ổn định vĩ mô dù vậy hoạt động xuất nhập khẩu có dấu hiệu chậm lại báo hiệu khó khăn trong lĩnh vực XNK và tăng trưởng KT năm 2023.

TTCK THẾ GIỚI

Thông điệp tăng lãi suất chậm từ chủ tịch FED, các TTCK duy trì đà tăng

TTCK Hoa Kỳ có phiên biến động mạnh và tăng bình quân hơn 1% trong tuần sau nhận định Chủ tịch FED và báo cáo việc làm. Xu hướng giằng co tăng nhẹ cũng diễn ra tại các thị trường chủ chốt và khu vực Châu Á, ngoại trừ đà tăng mạnh của TTCK Việt Nam. Chỉ số hàng hóa ghi nhận mức tăng 0.3%, dẫn đầu từ đà tăng giá dầu +6.2% và các kim loại quý Vàng +2.6% và Bạc +6.1%. Giá dầu tăng tốt nhờ tin OPEC+ cắt giảm sản lượng và Trung Quốc nới lỏng các biện pháp kiểm soát Covid tại 2 thành phố lớn Quảng Châu và Trùng Khánh. Chỉ số USD Index giảm tuần thứ 3 liên tiếp với mức -1.5%. USD mất giá so với hầu hết các đồng tiền khác, trong đó có mức giảm -1.3% so với VND.

Chủ tịch FED có bài phát biểu tại viện Brookings tại Washington DC cho rằng lãi suất tiến gần mức kiềm chế đủ để giảm lạm phát, đã đến lúc điều chỉnh tốc độ nâng lãi suất. Ông Powell cảnh báo FED có thể duy trì chính sách hạn chế trong một thời gian dài trước khi kết thúc cuộc chiến với lạm phát. Phát biểu này củng cố cho khả năng FED chỉ tăng 50 điểm cơ bản tại cuộc họp diễn ra vào 13-14/12 sau 4 đợt tăng lãi suất 75 điểm cơ bản. Trước cuộc họp cuối cùng FED trong năm nay, NĐT sẽ đón nhận một số thông tin quan trọng như dữ liệu việc làm của Bộ lao động Hoa Kỳ vào ngày 2/12 và Báo cáo CPI tháng 11 vào ngày 13/12 để củng cố thêm nhận định về lộ trình tăng lãi suất của FED tại kỳ họp tháng 12 và trong năm 2023.



CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục MVIS-Index Việt Nam Quý 4/2022

Ngày 09/12/2022, MVIS sẽ công bố danh mục các cổ phiếu thành phần các bộ chỉ số MVIS Vietnam Index. Đến ngày 16/12/2022, ETF VNM (tham chiếu theo bộ chỉ số MVIS-Index Việt Nam) sẽ hoàn tất việc cơ cấu danh mục trên cơ sở dữ liệu kết thúc tại ngày 30/11/2022.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn cổ phiếu do MVIS công bố, nhóm phân tích BSC dự báo MVIS Vietnam Index sẽ không thêm mới cổ phiếu nào, đồng thời có thể xem xét loại bỏ 05 cổ phiếu bao gồm: **HDG, HNG, BCG, DXG, ITA** do không đáp ứng được điều kiện về tỷ trọng vốn hóa.

Danh mục ETF VNM dự kiến điều chỉnh như sau:

STT	Mã CK	Tỷ trọng hiện tại (%)	Tỷ trọng mới (%)	Chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (USD)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Notes
1	VIC	8.27%	8.00%	-0.27%	(870,629)	(337,369)	
2	VHM	7.74%	8.00%	0.26%	838,384	442,852	
3	MSN	8.22%	7.00%	-1.22%	(3,933,953)	(1,025,889)	
4	VNM	7.97%	6.50%	-1.47%	(4,740,091)	(1,509,041)	
5	VCB	4.90%	5.64%	0.74%	2,391,053	790,642	
6	1476 TT Equity	5.52%	4.50%	-1.02%	(3,289,043)	(234,932)	
7	9910 TT Equity	6.50%	4.50%	-2.00%	(6,449,104)	(1,104,299)	
8	HPG	3.66%	4.21%	0.55%	1,764,835	2,927,619	
9	VRE	3.53%	3.98%	0.45%	1,458,379	1,375,202	
10	7730 JP Equity	4.75%	3.94%	-0.81%	(2,603,519)	(162,314)	
11	NVL	2.09%	3.63%	1.54%	4,963,371	4,517,123	
12	090460 KS Equity	1.94%	2.55%	0.61%	1,970,081	100,310	
13	SSI	2.35%	2.44%	0.09%	302,019	465,221	
14	9938 TT Equity	1.66%	2.28%	0.62%	2,002,074	1,157,268	
15	SAB	1.64%	1.96%	0.32%	1,016,685	138,082	
16	VND	1.44%	1.57%	0.13%	407,579	894,509	
17	STB	1.51%	1.55%	0.04%	121,472	180,389	
18	097520 KS Equity	1.04%	1.30%	0.26%	830,453	40,313	
19	KDH	1.14%	1.28%	0.14%	446,026	493,814	
20	178320 KS Equity	1.14%	1.19%	0.05%	172,341	14,544	
21	THD	0.97%	1.14%	0.17%	546,967	334,933	
22	SHB	1.05%	1.13%	0.08%	258,593	616,645	
23	VJC	1.02%	1.11%	0.09%	281,378	69,366	
24	DGC	0.96%	1.11%	0.15%	467,657	226,964	
25	VPI	0.86%	1.05%	0.19%	626,586	281,510	
26	179900 KS Equity	0.79%	0.98%	0.19%	620,048	36,516	
27	060720 KS Equity	0.78%	0.96%	0.18%	594,683	59,647	
28	049070 KS Equity	0.94%	0.96%	0.02%	74,177	3,326	
29	VHC	0.77%	0.96%	0.19%	609,744	227,052	



CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục MVIS-Index Việt Nam Quý 4/2022

STT	Mã CK	Tỷ trọng hiện tại (%)	Tỷ trọng mới (%)	Chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (USD)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Notes
30	DPM	0.83%	0.88%	0.05%	172,562	118,876	
31	VCI	0.81%	0.88%	0.07%	231,328	303,541	
32	192650 KS Equity	0.79%	0.84%	0.05%	169,705	23,669	
33	POW	0.72%	0.81%	0.09%	274,474	660,870	
34	PDR	0.49%	0.75%	0.26%	829,545	1,203,083	
35	IDC	0.70%	0.73%	0.03%	99,020	79,730	
36	GEX	0.63%	0.72%	0.09%	301,259	561,747	
37	105630 KS Equity	0.65%	0.70%	0.05%	159,081	13,597	
38	PVS	0.64%	0.67%	0.03%	103,462	137,950	
39	025320 KS Equity	0.54%	0.65%	0.11%	362,269	161,727	
40	KDC	0.55%	0.62%	0.07%	223,785	94,066	
41	KBC	0.60%	0.61%	0.01%	21,315	31,466	
42	PVD	0.53%	0.59%	0.06%	196,152	364,387	
43	BVH	0.49%	0.57%	0.08%	263,595	137,047	
44	DIG	0.52%	0.57%	0.05%	164,828	321,868	
45	HAG	0.53%	0.55%	0.02%	61,539	196,923	
46	SBT	0.54%	0.51%	-0.03%	(111,942)	(258,248)	
47	VCG	0.38%	0.48%	0.10%	318,167	555,672	
48	VIX	0.46%	0.45%	-0.01%	(30,944)	(112,854)	
49	JAK MK Equity	0.37%	0.43%	0.06%	195,964	3,383,944	
50	HSG	0.35%	0.42%	0.07%	214,148	552,641	
51	SHS	0.38%	0.39%	0.01%	17,757	61,163	
52	HUT	0.36%	0.39%	0.03%	81,022	142,506	
53	TCH	0.39%	0.38%	-0.01%	(37,049)	(123,497)	
54	HDG	0.35%	0.00%	-0.35%	(1,128,593)	(1,023,820)	Bị loại
55	HNG	0.32%	0.00%	-0.32%	(1,031,857)	(6,172,600)	Bị loại
56	BCG	0.20%	0.00%	-0.20%	(644,910)	(2,782,600)	Bị loại
57	DXG	0.19%	0.00%	-0.19%	(612,665)	(1,482,800)	Bị loại
58	ITA	0.18%	0.00%	-0.18%	(580,419)	(4,569,600)	Bị loại

*Dữ liệu dựa trên số liệu đến hết ngày 22/11/2022

Nguồn: BSC Research



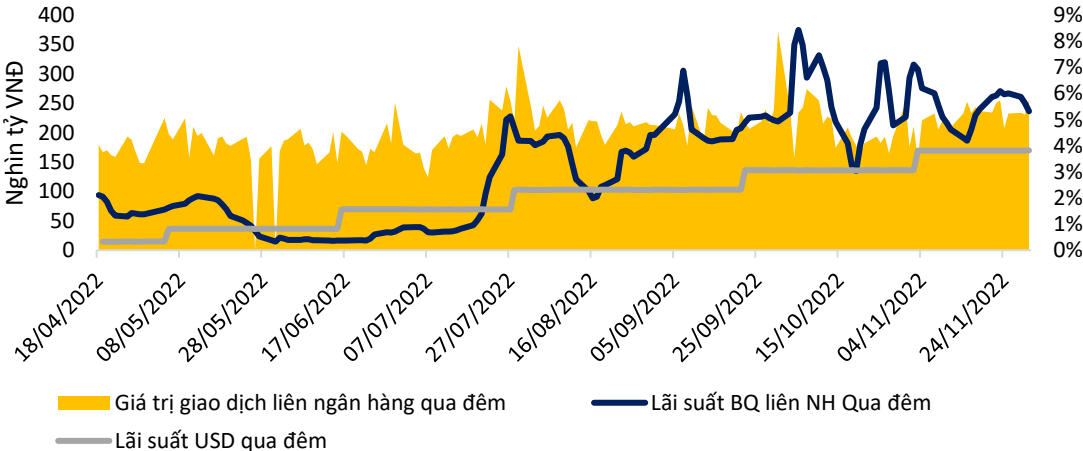
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 41	10/10/2022	14/10/2022	41,691.55	134,853.16	93,161.61
Tuần 42	17/10/2022	21/10/2022	128,158.84	5,386.53	-122,772.31
Tuần 43	24/10/2022	28/10/2022	117,298.82	163,374.26	46,075.44
Tuần 44	31/10/2022	4/11/2022	57,175.16	131,273.45	74,098.29
Tuần 45	7/11/2022	11/11/2022	48,679.93	43,028.10	-5,651.83
Tuần 46	14/11/2022	18/11/2022	98,174.75	43,563.11	-54,611.64
Tuần 47	21/11/2022	25/11/2022	23,028.50	29,408.00	6,379.50
Tuần 48	28/11/2022	2/12/2022	0.00	36,843.61	36,843.61

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.61%	6.19%	7.49%	9.60%	10.12%	9.59%	8.50%
So với tuần trước	-0.36%	-0.21%	0.43%	1.25%	0.97%	-0.06%	0.00%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	240,525	6,521	2,589	825	1,568	732	100
So với tuần trước	1.84%	-42.95%	7.06%	-25.02%	14.80%	61.73%	0.00%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 30/11/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 48, 0 đồng giá trị tín phiếu được phát hành, ngoài ra SBV thực hiện mua 36.84 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 36.84 nghìn tỷ đồng qua OMO. Lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm giảm nhẹ trong tuần 48 cùng với thanh khoản tăng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.61%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 240.53 nghìn tỷ VNĐ



PTKT VN-INDEX: VN-Index tiếp tục có thêm một cây nến chỉ hướng, hướng tới 1,150 điểm

Đồ thị ngày: Theo sau cây nến chỉ hướng tuần trước, VN-Index tiếp tục có thêm những phiên chạy đà vượt xa vùng đáy ngắn hạn. Chỉ số lần lượt vượt qua SMA20 và SMA50 với thanh khoản cải thiện tích cực. Phiên giao dịch cuối tuần tiếp tục tạo cây nến chỉ hướng tăng sau một phiên điều chỉnh theo hình mẫu engulfing bull qua đó tiếp tục xác định xu hướng tăng điểm ngắn hạn hướng tới các vùng điểm cao hơn. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang tiến gần vùng quá mua, đường giá cũng vượt trên bollinger band trên, và có xu hướng mở rộng hướng lên cho thấy xu hướng hồi phục mạnh cũng tiềm ẩn nhịp rung lắc ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 45 lên 65, áp sát vùng quá mua.
- MACD vượt trên mức 0 và mở rộng khoảng cách so với đường tín hiệu. Thanh khoản cải thiện mạnh.
- VN-Index vượt SMA20, 50 và dưới SMA100 đồ thị ngày.

Nhận định: VN-Index vượt qua các đường trung bình động ngắn và trung qua đó tiếp tục củng cố xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn. Với phiên giao dịch chỉ hướng cuối tuần, VN-Index duy trì xu hướng hồi phục mạnh hướng tới ngưỡng kháng cự tiếp theo tại 1,150 điểm. Mặc dù xu hướng hồi phục mạnh, các chỉ báo kỹ thuật cũng đang dần tiến vào vùng quá bán. Hoạt động rung lắc trong phiên sẽ tiếp tục diễn ra trong quá trình VN-Index tiếp tục tăng lên vùng kháng cự tiếp theo.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Chỉ số PMI tháng 11 của Việt Nam ở dưới mức 50 điểm*

VIỆT NAM:

- UBTVQH: thống nhất trong tuần đầu của tháng 01/2023, sau khi nghỉ Tết dương lịch sẽ tiến hành Kỳ họp bất thường lần thứ hai.
- Thủ tướng Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11, thảo luận về nhiều nội dung quan trọng. Trong đó thủ tướng nhấn mạnh: Trách nhiệm của cơ quan nhà nước càng phải cao khi người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn.
- Chính phủ: ban hành Nghị định 96/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương, trong đó có nhiều điểm mới, đáng kể là có thêm Ủy ban Cạnh tranh quốc gia.
- Chính phủ: đặt mục tiêu thoái vốn tại 141 doanh nghiệp và cổ phần hoá 19 doanh nghiệp nhà nước, có vốn nhà nước đến năm 2025.
- Chính phủ: đề nghị trình Quốc hội 5 nội dung tại kỳ họp bất thường lần thứ 2. Cụ thể là xem xét, quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 11 chỉ đạt 47.4 điểm, giảm so với 50.6 điểm của tháng 10. Điều này cho thấy, các điều kiện kinh doanh suy giảm mạnh.
- Bộ Tài chính: tổng thu ngân sách nhà nước 11 tháng ước đạt 1,638.9 nghìn tỷ đồng, tăng 17.4% so cùng kỳ năm 2021.
- Bộ Tài chính: sẽ yêu cầu doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố sức khỏe cho nhà đầu tư.
- Bộ Tài chính: tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 11T2022 đạt 52.43% kế hoạch. So với kế hoạch Thủ tướng giao thì tỷ lệ giải ngân mới đạt 58.33%, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 (63.86%).
- NHNN: chiến lược phát triển ngành ngân hàng chỉ rõ mục tiêu đưa nợ xấu của toàn hệ thống tín dụng dưới 3% vào năm 2025.
- Tổng cục Thuế: tính đến hết T11.2022, ngành thuế đã gia hạn các loại thuế ước khoảng 105.9 nghìn tỷ đồng (khoảng 78.4% số dự kiến).
- Tổng cục Thống kê: so với T12.2021, CPI tháng 11 tăng 4.56% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4.37%. Bình quân 11T2022, CPI tăng 3.02% so với cùng kỳ năm trước.

THẾ GIỚI:

- Bài phát biểu của chủ tịch Fed: xác minh quan điểm rằng tốc độ tăng lãi suất sẽ ngày càng chậm hơn. Fed có thể giảm tốc độ tăng lãi suất tại cuộc họp FOMC tháng 12.
- FED: tỷ lệ thất nghiệp của Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng từ 3.7% lên 4.5%-5.0% vào cuối năm 2023; lạm phát dự kiến sẽ giảm xuống 5.0%-5.5% vào cuối năm 2022 và 3.0% vào cuối năm 2023 - 3.5%.
- Mỹ: chỉ số niềm tin người tiêu dùng tháng 11 đạt 100.2 điểm, cao hơn so với 100 điểm dự kiến. Con số trước đó là 102.5 điểm.
- Mỹ: GDP Q3.2022 tăng 2.9%, cao hơn kỳ dự kiến 0.3%.
- Mỹ: chỉ số sản xuất ISM tháng 11 ghi nhận 49.0 điểm, thấp hơn so với mức 49.8 điểm dự kiến. Con số trước đó là 50.2 điểm.
- Mỹ: tiếp tục đàn áp các công ty công nghệ Trung Quốc, cấm Huawei, ZTE bán thiết bị.
- Trung Quốc: những thay đổi trong quan điểm và biện pháp kiểm soát COVID trong 24 giờ qua làm dấy lên hy vọng Trung Quốc sắp nới lỏng chính sách trên diện rộng.
- Trung Quốc: Bắc kinh có thể bỏ xét nghiệm Covid cộng đồng đối với những người không có ý định ra ngoài. Cho thấy, chính quyền đang thực hiện từng bước nhỏ trong việc mở cửa trở lại.
- EU: CPI sơ bộ tháng 11 là 10% yoy, thấp hơn 10.4% yoy dự kiến và 10.6% yoy tháng trước đó.
- Eurozone: PMI sản xuất tháng 11 giảm còn 47.1 do sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm.
- Anh: doanh số bán lẻ tháng 11 giảm 19 điểm trong bối cảnh cuộc khủng hoảng chi phí đang diễn ra.
- Đức: CPI tháng 11 ghi nhận -0.5%, mức thấp nhất kể từ tháng 11 năm 2020.
- Đức: tỷ lệ thất nghiệp tháng 11 tăng lên 17 nghìn so với 13 nghìn dự kiến.
- Bộ Kinh tế Nga: GDP của Nga dự kiến sẽ giảm 2.1% so với cùng kỳ năm ngoái từ tháng 1 đến tháng 10.
- Thái Lan: sẽ đánh thuế giao dịch chứng khoán lần đầu tiên sau hơn 30 năm. Mức thuế 0.05% sẽ được áp dụng trong các giao dịch vào năm tới trước khi tăng lên 0.1%.

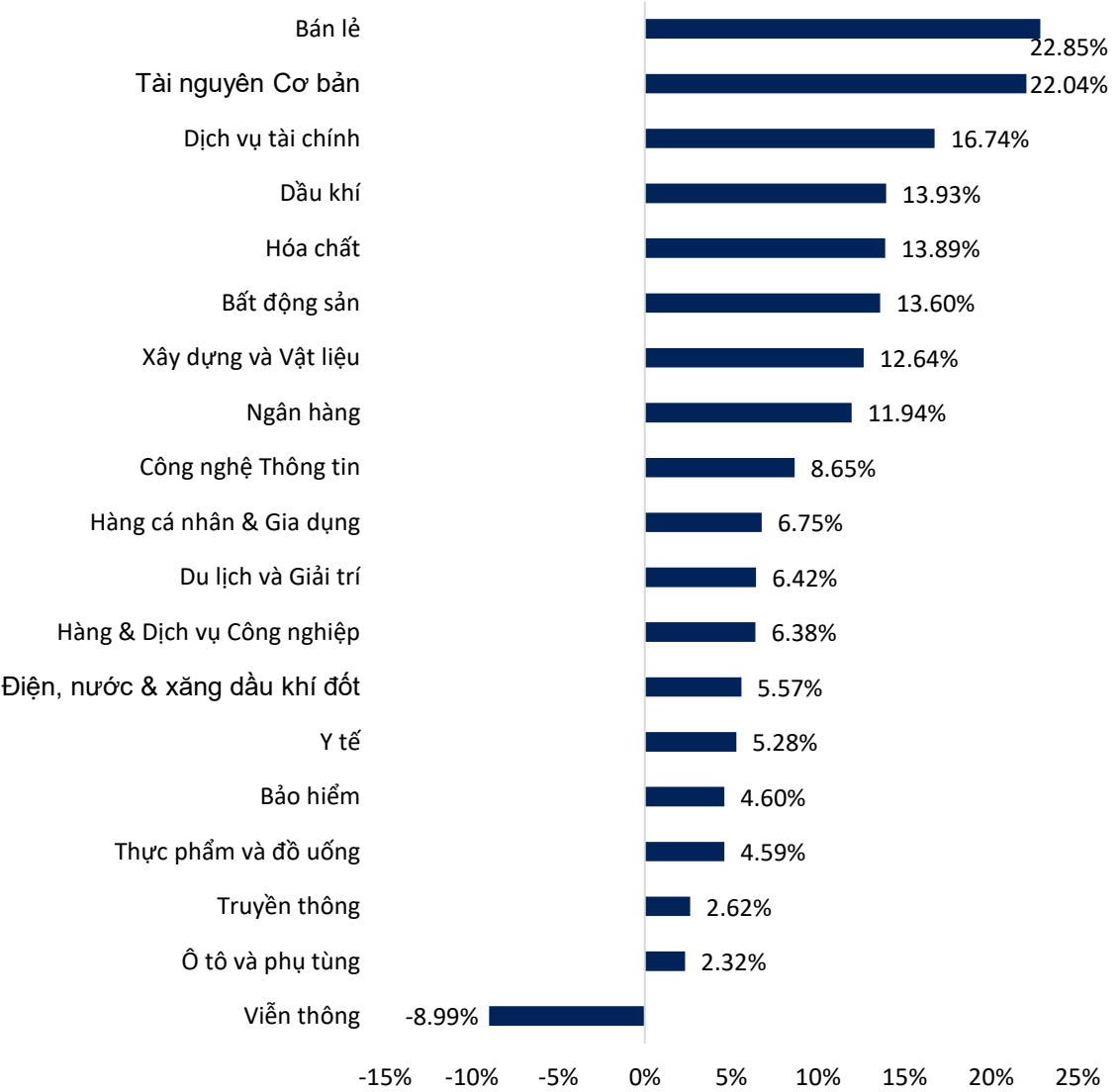
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh mua ròng. Dòng tiền tan tủa và có sức bật sau một thời gian dài bị nén.
- Ngày 4/12, Cuộc họp OPEC. 5/12, PMI Trung Quốc, EU, Anh và Hoa Kỳ. 6/12, Lãi suất biên bản chính sách tiền tệ Australia; Cán cân thương mại Canada, Hoa Kỳ. 7/12, GDP Australia; Tỷ lệ thất nghiệp và GDP điều chỉnh của EU; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ Canada; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 8/12, GDP lần cuối Nhật Bản; Cung tiền M2 và khoản vay mới Trung Quốc; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp. 9/12, Doanh thu bán lẻ, thất nghiệp Trung Quốc; Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Bán lẻ	5.63%	22.85%	-4.88%	MWG	24.34%	
Tài nguyên Cơ bản	5.36%	22.04%	14.38%	HPG	27.12%	HSG 24.75%
Dịch vụ tài chính	5.51%	16.74%	6.52%	SSI	13.74%	HCM 11.72%
Dầu khí	3.74%	13.93%	6.37%	PLX	11.33%	GAS 6.11%
Hóa chất	4.57%	13.89%	0.55%	DRC	8.76%	DGC 22.82%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	79.98	-1.53%	4.85%	-8.27%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	85.57	-1.51%	2.22%	-9.37%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	228.04	-2.63%	0.33%	-9.68%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,797.63	-0.30%	2.43%	9.93%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.14	1.69%	6.42%	20.34%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,438.50	0.61%	0.16%	-0.64%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	761.00	-2.81%	-4.52%	-17.19%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.29	0.45%	-0.10%	6.23%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	217.50	-0.23%	2.40%	4.07%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	19.48	-0.71%	0.78%	5.70%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	162.60	-1.90%	-1.48%	-4.47%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,450.00	1.37%	5.52%	10.80%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,773.00	0.91%	0.91%	9.90%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,545.50	2.43%	7.75%	13.08%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	776.50	0.78%	0.78%	23.75%		HPG
Than đá	USD/MT	385.00	2.39%	8.74%	7.02%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	552.07	0.15%	0.15%	13.24%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	16.28%	14.14
VHM	21.70%	11.15
HPG	27.12%	6.06
TCB	25.22%	5.11
VIC	5.85%	3.64
MSN	10.53%	3.54
MWG	24.34%	3.38
GAS	6.11%	3.07
VPB	11.61%	3.05
MBB	16.05%	2.96
Tổng		56.09

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
SAB	-1.67%	-0.48
PDN	-13.24%	-0.08
IBC	-30.04%	-0.08
SVC	-6.95%	-0.07
HPX	-7.64%	-0.06
HRC	-10.18%	-0.04
LGC	-1.83%	-0.04
SVI	-10.63%	-0.02
TNC	-6.43%	-0.02
AST	-3.47%	-0.02
Tổng		-0.92

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	1,436.71	
VHM	1,308.49	
STB	801.55	
MSN	755.97	
VIC	684.88	
SSI	558.88	
FUEVFN	437.93	
CTG	354.94	
KDH	305.18	
KBC	279.85	
Tổng	6,924.38	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPX	-328.04	
DXG	-60.49	
BCM	-41.82	
HAG	-25.53	
SAB	-25.43	
PC1	-23.36	
TCH	-18.11	
NTL	-13.09	
HDB	-10.37	
BCG	-9.85	
Tổng	-556.09	

Vận động cổ phiếu VN30			
VJC	101.9615	102.2661	-9.75%
VNM	118.4532	104.7361	11.70%
BVH	105.9426	101.7888	-3.21%
FPT	103.4599	100.9601	-8.19%
VRE	108.1836	103.9892	14.73%
BID	111.2027	104.8405	20.47%
CTG	104.9345	103.7024	9.61%
SAB	118.534	101.271	-4.48%
VIC	101.5661	106.3952	9.38%
ACB	103.6453	102.7653	2.84%
VCB	108.8686	103.0169	7.87%
GAS	112.1078	102.5595	2.96%
VHM	96.24738	100.4024	-4.51%
VIB	97.22061	102.3895	-2.95%
TPB	94.03589	101.4459	-8.80%
SSI	92.83315	100.9723	-12.39%
VPB	99.3238	100.812	-14.92%
POW	96.34933	97.5066	-16.73%
KDH	85.23374	96.17395	-18.03%
PLX	92.38799	98.93632	-13.72%
PDR	84.86993	87.90794	-69.41%
MSN	98.24445	99.75536	-7.64%
NVL	89.78753	86.27274	-71.90%
HPG	89.28429	98.96747	-18.28%
MWG	91.30409	93.22076	-33.33%
MBB	96.88717	98.40633	-17.18%
TCB	88.01301	95.52785	-23.51%
HDB	99.36236	97.33877	-15.82%
GVR	82.71515	91.58098	-30.51%
STB	94.926	99.51591	-12.21%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực

JdK RS-Momentum

Tiêu
cực

JdK RS-Ratio

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

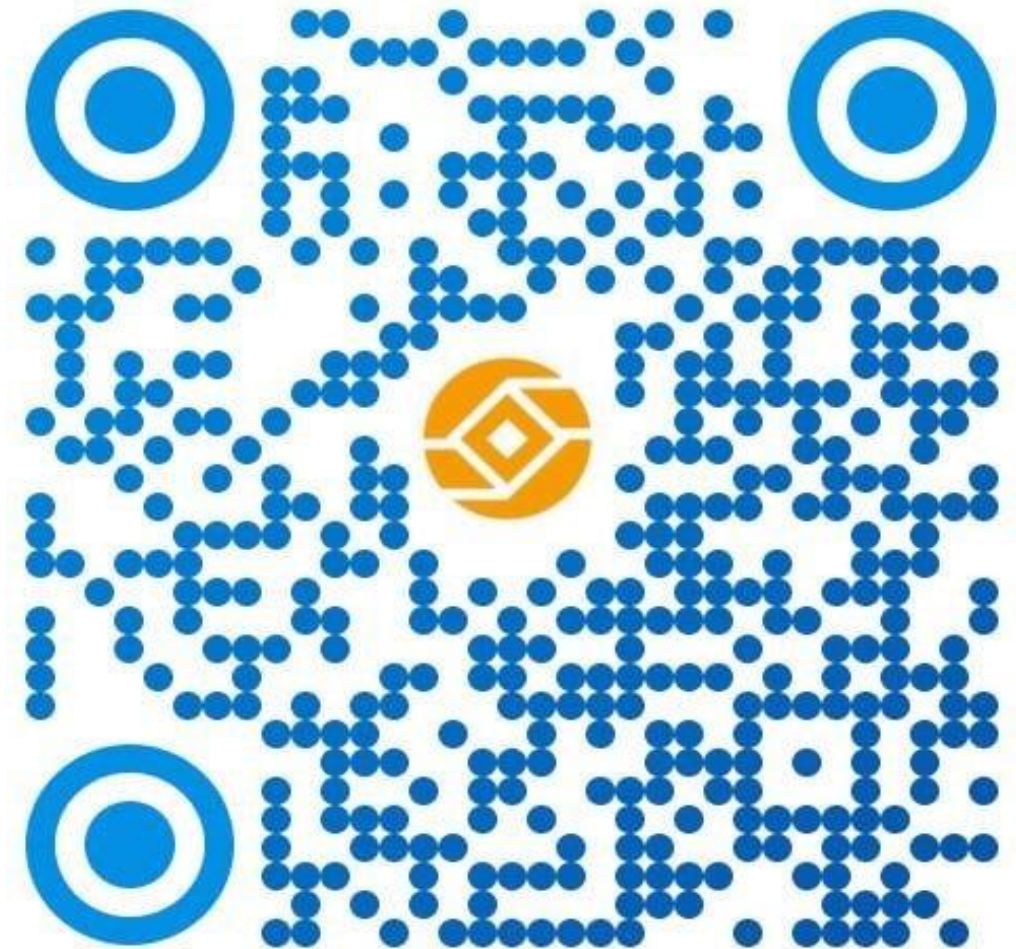
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

